

# HỒ CHÍ MINH VẬN DỤNG, BỔ SUNG VÀ PHÁT TRIỂN CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN VỀ DÂN TỘC TRONG GIẢI QUYẾT QUAN HỆ DÂN TỘC Ở VIỆT NAM

**TS NGUYỄN THỊ HÀ**

*Phó Viện trưởng, Viện Chủ nghĩa xã hội khoa học  
Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh*

**Tóm tắt:** Chủ tịch Hồ Chí Minh vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin về vấn đề dân tộc và giải quyết quan hệ dân tộc dưới hai cấp độ: 1) Dân tộc - quốc gia; 2) Dân tộc - tộc người. Hệ thống luận điểm phong phú và sâu sắc của Người chứa đựng những nội dung mới, bổ sung, phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin qua thực tiễn giải quyết mối quan hệ dân tộc trong cách mạng giải phóng dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

**Từ khóa:** Chủ nghĩa Mác - Lênin; Hồ Chí Minh; Dân tộc; Quan hệ dân tộc.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và giải quyết quan hệ dân tộc là hệ thống luận điểm phong phú và sâu sắc đề cập đến nhiều mặt, nhiều khía cạnh ở cả hai cấp độ: dân tộc - quốc gia và dân tộc - tộc người, chứa đựng nhiều nội dung mới, bổ sung, phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin trong hoàn cảnh cụ thể ở Việt Nam.

Một là, phương pháp luận cơ bản của Hồ Chí Minh là kết hợp tinh thần kiên định và sáng tạo khi tiếp thu và vận dụng quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về vấn đề dân tộc và giải quyết quan hệ dân tộc. Ngoài việc khẳng định sự đúng đắn của chủ nghĩa Mác - Lênin, Người cho rằng cần bổ sung cơ sở lịch sử “của chủ nghĩa Mác - Lênin bằng cách đưa thêm vào đó những tư liệu mà C.Mác ở thời mình không thể có được”;

rằng “cần xem xét lại chủ nghĩa Mác về cơ sở lịch sử của nó, củng cố nó bằng dân tộc học phương Đông”.

Hai là, ở cấp độ dân tộc - quốc gia. Trên lập trường cộng sản và thực tiễn lịch sử dân tộc, năm 1923, Hồ Chí Minh rút ra kết luận: “Chỉ có giải phóng giai cấp vô sản thì mới giải phóng dân tộc; cả hai cuộc giải phóng này chỉ có thể là sự nghiệp của chủ nghĩa cộng sản”<sup>1</sup>. Năm 1959, tổng kết chặng đường vẻ vang của dân tộc, Hồ Chí Minh lại viết: “Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản”<sup>2</sup>.

Bổ sung, phát triển quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin qua nhận thức về mối quan hệ giai cấp với dân tộc, Người cho rằng: “Chỉ có chủ nghĩa cộng sản mới cứu

nhân loại, đem lại cho mọi người không phân biệt chủng tộc và nguồn gốc tự do, bình đẳng, bác ái, đoàn kết, ấm no trên quả đất, việc làm cho mọi người, niềm vui, hòa bình, hạnh phúc”<sup>3</sup> và giai cấp công nhân đóng vai trò quyết định. Đây là cốt lõi trong việc giải quyết mối quan hệ dân tộc với giai cấp, độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội, quốc gia với quốc tế.

*Trong nhận thức về cách mạng vô sản ở chính quốc và cách mạng giải phóng thuộc địa và mối quan hệ giữa hai cuộc cách mạng đó và từ quan niệm của chủ nghĩa Mác - Lênin, ban đầu, Hồ Chí Minh cho rằng: Cách mạng Đông Dương và Việt Nam cũng phụ thuộc trực tiếp vào cách mạng vô sản ở chính quốc, vì chỉ có cách mạng vô sản ở chính quốc thắng lợi rồi mới có điều kiện trực tiếp giúp đỡ cách mạng giải phóng dân tộc ở thuộc địa đi tới thành công. Sau này, trên cơ sở phân tích sâu sắc điều kiện lịch sử Việt Nam, Người đã đi tới kết luận: cách mạng ở các nước thuộc địa có thể và cần phải nổ ra trước cách mạng vô sản ở chính quốc, bởi vì “sự tàn bạo của chủ nghĩa tư bản đã chuẩn bị đất rồi, chủ nghĩa xã hội chỉ còn phải làm cái việc là gieo hạt giống của công việc giải phóng nữa thôi”<sup>4</sup>. Thậm chí, với thắng lợi của mình, nhân dân các nước thuộc địa có thể giúp đỡ cách mạng vô sản ở các nước chính quốc mau tới thắng lợi. Thực tế lịch sử Việt Nam và nhiều nước khác đã chứng minh tính đúng đắn của luận điểm đó.*

Như vậy, theo Hồ Chí Minh, vấn đề dân tộc được hiểu là một bộ phận không thể tách rời của cách mạng vô sản và vấn đề giai cấp, nên việc giải quyết nó phải được xem xét, giải quyết trên lập trường của giai cấp công nhân. Đồng thời, từ thực tiễn Việt Nam, Người nhấn mạnh tính độc lập tương đối, vị trí, vai trò quan trọng của vấn đề dân tộc<sup>5</sup>.

*Sáng tạo của Hồ Chí Minh trong giải quyết mối quan hệ dân tộc với quốc tế cũng thể hiện rõ trong quan điểm của Người trong*

việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Trong các văn kiện thành lập đảng, không thấy Người bàn đến thành lập “Liên bang Đông Dương” mà thành lập chính quyền Xô viết trong công nông binh ở Việt Nam. Theo Người: “Chủ nghĩa dân tộc là động lực lớn của đất nước... giờ đây, người ta sẽ không làm gì được cho người An Nam nếu không dựa trên cái động lực vĩ đại và duy nhất của đời sống xã hội họ. Khi chủ nghĩa dân tộc của họ thắng lợi... nhất định chủ nghĩa dân tộc ấy sẽ biến thành chủ nghĩa quốc tế”<sup>6</sup>.

Để phát huy động lực cách mạng đó, điểm sáng tạo, bổ sung của Hồ Chí Minh là, không chỉ xác định sức mạnh công nông mà còn là khối đại đoàn kết toàn dân tộc, bao gồm giai cấp công nhân, nông dân, tầng lớp tiểu tư sản trí thức, giai cấp tư sản dân tộc... trên nền tảng của công nông liên minh. Chỉ có động lực cách mạng to lớn này mới đảm bảo cho cách mạng giải phóng dân tộc và cách mạng vô sản thành công ở Việt Nam.

*Ba là, ở cấp độ dân tộc - tộc người.* Trên cơ sở những luận điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin về dân tộc và giải quyết quan hệ dân tộc, Hồ Chí Minh đã vận dụng sáng tạo khi giải quyết quan hệ dân tộc trong nội bộ dân tộc Việt Nam. Theo Người: “Ngày nay nước Việt Nam là nước chung của chúng ta... Giang sơn và Chính phủ là giang sơn, Chính phủ chung của chúng ta. Vậy nên tất cả các dân tộc ta phải đoàn kết chặt chẽ để giữ gìn nước non ta, ủng hộ Chính phủ ta.

Chúng ta phải thương yêu nhau, phải kính trọng nhau, phải giúp đỡ nhau để mưu hạnh phúc chung của chúng ta và con cháu chúng ta. Sông có thể cạn, núi có thể mòn, nhưng lòng đoàn kết của chúng ta không bao giờ giảm bớt”<sup>7</sup>.

Từ nhận thức trên, trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng của mình, Hồ Chí Minh đã giải quyết mối quan hệ dân tộc trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam với các nội dung cốt lõi sau:

*Thứ nhất, các dân tộc đoàn kết, bình đẳng, tương trợ giúp nhau cùng tiến bộ*

Ở nước ta, nét nổi bật trong quan hệ các dân tộc là mối liên kết cộng đồng bền vững, được tạo nên từ ý thức của mỗi dân tộc về một cội nguồn chung mà họ đã sinh ra, từ một niềm tự hào chung về Tổ quốc Việt Nam, về lịch sử dựng nước và giữ nước, về truyền thống đoàn kết đã có từ ngàn đời nay của dân tộc. Vì vậy, ngay khi Cách mạng Việt Nam còn trong trứng nước, Hồ Chí Minh đã kêu gọi toàn dân, trong đó có các dân tộc thiểu số (DTTS), tham gia cách mạng: “...Hỡi đồng bào yêu quý! Việc cứu quốc là việc chung. Ai là người Việt Nam đều phải kể vai gánh vác một phần trách nhiệm...”<sup>8</sup>.

Nhận thức được toàn diện và sâu sắc ý nghĩa sống còn của khối đại đoàn kết toàn dân đối với sự tồn vong của đất nước, trong *Thư gửi Đại hội các DTTS miền Nam*, Người viết: “Đồng bào Kinh hay Thô, Mường hay Mán, Gia Rai hay Ê Đê, Xê Đăng hay Ba Na và các dân tộc thiểu số khác, đều là con cháu Việt Nam, đều là anh em ruột thịt. Chúng ta sống chết có nhau, sướng khổ cùng nhau, no đói giúp nhau...”<sup>9</sup>, nên “Phải tăng cường đoàn kết dân tộc... Các dân tộc miền núi đoàn kết chặt chẽ, các dân tộc thiểu số đoàn kết với dân tộc đa số... Muốn làm tốt công tác này, cán bộ, đảng viên và đoàn viên thanh niên lao động phải gương mẫu...”<sup>10</sup>.

Các dân tộc có quyền “bình đẳng”, bình đẳng về quyền lợi, tối cao là quyền làm chủ đất nước, nên các dân tộc cũng bình đẳng về nghĩa vụ, trong đó có nghĩa vụ cao nhất - giữ gìn đất nước. Nguyên tắc bình đẳng xuất phát từ quyền cơ bản của con người. Trong *Tuyên ngôn Độc lập*, khai sinh ra Nước Việt Nam Dân chủ cộng hoà, Hồ Chí Minh khẳng định: “Tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do”.

Nội dung bình đẳng bao gồm: Bình đẳng về chính trị, kinh tế, văn hóa, giáo dục, y tế, v.v.. Mọi hành vi khinh miệt, áp bức, chia rẽ dân tộc đều bị nghiêm cấm. “Các dân tộc trên đất nước ta đều bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ... Chính sách dân tộc của chúng ta là nhằm thực hiện sự bình đẳng, giúp nhau giữa các dân tộc, để cùng nhau tiến lên chủ nghĩa xã hội...”<sup>11</sup>.

Do đặc điểm các dân tộc có trình độ phát triển không đều nhau, nên Hồ Chí Minh cho rằng, không chỉ dân tộc đa số giúp đỡ DTTS, mà còn ngược lại để các dân tộc cùng tiến bộ<sup>12</sup>.

*Thứ hai, thường xuyên quan tâm phát triển kinh tế - xã hội các DTTS*

Trong suốt cuộc đời hoạt động của mình, Hồ Chí Minh luôn dành sự quan tâm đặc biệt và sâu sắc đến các tộc người thiểu số ở nước ta. Người viết: “Dưới chế độ thực dân và phong kiến, đồng bào rẻo cao sống rất cực khổ. Ngày nay, đồng bào rẻo cao được tự do bình đẳng, không bị áp bức bóc lột như trước kia. Nhưng đời sống vật chất và văn hóa chưa được nâng cao mấy... Bác thay mặt Trung ương và Chính phủ giao cho cán bộ từ tỉnh đến xã phải ra sức giúp đỡ hơn nữa cho đồng bào rẻo cao về mọi mặt”<sup>13</sup>, làm cho đồng bào các DTTS được hưởng ngày càng đầy đủ hơn những quyền lợi về kinh tế.

Người cũng luôn chú ý công tác phát triển giao thông miền núi theo phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm: “Đắp đường lớn thì do trung ương chịu trách nhiệm. Nhưng địa phương có thể làm những đường nhỏ. Làng này qua làng khác thì xã tự động làm...”<sup>14</sup>. Về bảo vệ rừng, theo Hồ Chí Minh: “Cần hết sức chú ý vấn đề bảo vệ rừng. Nếu cứ để tình trạng đồng bào phá một ít, nông trường phá một ít, công trường phá một ít, thậm chí đoàn thám dò địa chất cũng phá một ít, thì rất tai hại. Phá rừng thì dễ, nhưng gây lại rừng thì phải mất hàng chục năm. Phá rừng nhiều như

vậy sẽ ảnh hưởng đến khí hậu, ảnh hưởng đến sản xuất, đời sống rất nhiều...”<sup>15</sup>.

*Thứ ba, quan tâm phát triển về văn hóa, tuyên truyền, giáo dục vùng đồng bào DTTS*

Hồ Chí Minh đặc biệt chú ý tới tâm lý, phong tục tập quán, tiếng nói của đồng bào dân tộc. Người căn dặn các cán bộ đi công tác miền núi: “Cán bộ đi làm việc ở chỗ nào, phải học tiếng nói ở đấy”<sup>16</sup>. Đối với công tác xây dựng đời sống mới ở vùng DTTS, Người cho rằng, đây là một vấn đề cấp bách, mang tính liên tục, lâu dài và cán bộ cơ sở phải có tinh thần trách nhiệm cao: “...Muốn cải tạo phong tục tập quán được tốt, thì tuyên huấn phải làm, mà phải làm bền bỉ liên tục, làm dần dần, chứ không thể chủ quan nóng vội, muốn làm hết ngay một lúc...”<sup>17</sup>.

Mặt khác, do học vấn của các DTTS còn thấp, lại cư trú ở vùng sâu vùng xa, biên giới, điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội khó khăn, nên tuyên truyền phải cụ thể thiết thực: “Tuyên truyền cái gì? Tuyên truyền cho ai? Tuyên truyền để làm gì? Tuyên truyền cách thế nào? Đó là những vấn đề các chú phải tự hỏi, tự trả lời... Tuyên truyền huấn luyện phải xuất phát từ chỗ nào? Xuất phát từ nhiệt tình cách mạng, tình thương yêu chân thành đồng bào các dân tộc, từ tinh thần hết lòng phục vụ đồng bào các dân tộc”<sup>18</sup>.

*Trên lĩnh vực giáo dục*, Người rất quan tâm đến việc phát triển bình dân học vụ, xoá nạn mù chữ cho đồng bào các dân tộc, phát triển giáo dục miền núi, khôi phục và xây dựng hệ thống chữ viết cho các dân tộc... xây dựng trường, lớp học, đào tạo thầy cô giáo, nhất là các thầy cô giáo là người DTTS. Người viết: “Ngày nay, các dân tộc anh em chúng ta muốn tiến bộ, muốn phát triển văn hóa của mình thì chúng ta phải tẩy trừ những thành kiến giữa các dân tộc, phải đoàn kết, thương yêu, giúp đỡ nhau như anh em một nhà”<sup>19</sup>.

*Thứ tư, trong xây dựng đội ngũ cán bộ vùng dân tộc và miền núi*, Hồ Chí Minh yêu

cầu: “Phải chú trọng đào tạo, bồi dưỡng, cất nhắc cán bộ miền núi. Cố nhiên cán bộ người Kinh phải giúp đỡ anh em cán bộ địa phương, nhưng phải làm sao cho cán bộ địa phương tiến bộ, để anh em tự quản lý lấy công việc ở địa phương, chứ không phải là bao biện làm thay...”<sup>20</sup>. Công tác cán bộ phải đứng vững trên quan điểm lập trường của giai cấp công nhân, phải nắm vững đường lối, chính sách của Đảng và phải có đạo đức cách mạng, lý luận phải đi đôi với thực tiễn, học phải gắn với hành. Đồng thời, cần phải “... Khắc phục những tư tưởng dân tộc lớn, dân tộc hẹp hòi, tự ti dân tộc. Người dân tộc đa số dễ mắc tư tưởng dân tộc lớn, coi thường dân tộc nhỏ. Cán bộ địa phương, nhân dân miền núi lại dễ cho mình là dân tộc bé nhỏ, tự ti, cái gì cũng cho là mình không làm được, rồi không cố gắng. Đó là những điểm phải tránh...”<sup>21</sup>.

Đội ngũ cán bộ dân tộc có ý nghĩa quan trọng, nhằm củng cố sự lãnh đạo của Đảng ở vùng miền núi, tăng cường đoàn kết các dân tộc, nâng cao đời sống của đồng bào. Do vậy, “Các cấp bộ đảng phải thi hành đúng chính sách dân tộc, thực hiện đoàn kết, bình đẳng, tương trợ giữa các dân tộc... Để đẩy mạnh các công tác trên, cần phải củng cố và phát triển Đảng, cần phải có quyết tâm củng cố Đảng, củng cố chi bộ, tăng cường đoàn kết nội bộ, nâng cao trình độ chính trị, tư tưởng, văn hóa, nghiệp vụ cho các đảng viên, cán bộ... Đảng viên, đoàn viên phải gương mẫu trong việc đoàn kết, học tập, công tác...”<sup>22</sup>.

Đối với đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý càng cần được đặc biệt chú ý nâng cao trình độ học vấn, đẩy mạnh giáo dục lý luận chính trị, kiến thức về khoa học kỹ thuật, nghiệp vụ, kiến thức về quản lý; cần bố trí cán bộ người DTTS phù hợp với năng lực, sở trường và kết hợp sử dụng cả cán bộ người Kinh và người DTTS trong công việc.

Qua hơn 30 năm đổi mới, trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng ta luôn kiên

trì, vận dụng một cách sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin về vấn đề dân tộc; hiện thực hóa dần những tư tưởng của Hồ Chí Minh về dân tộc và giải quyết quan hệ dân tộc. Quyết tâm đó được thể hiện rõ trong nhận thức và chỉ đạo hoạt động thực tiễn; trong xây dựng và thực hiện chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ta. Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng một lần nữa khẳng định: tạo chuyển biến rõ rệt trong phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội vùng có đông đồng bào DTTS, nhất là các vùng Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ, tây duyên hải miền Trung. Đây cũng chính là mong muốn, mục tiêu cao nhất mà Hồ Chí Minh đã từng khẳng định: “Tự do cho đồng bào tôi, độc lập cho Tổ quốc tôi, đó là tất cả những điều tôi muốn; đây là tất cả những điều tôi hiểu”<sup>26</sup> □

## TỪ LỜI DẠY VÀ VIỆC LÀM...

(Tiếp theo trang 32)

phần đầu tự bồi dưỡng, tự nâng cao, xem đó là một hình thức tự quản mang tính tự nguyện có tác dụng thúc đẩy quá trình phấn đấu tự bồi dưỡng thường xuyên của tập thể và cá nhân giáo viên, bên cạnh hình thức bồi dưỡng “chính thức” của nhà trường và của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Trong quan hệ thầy trò cần phát huy truyền thống “Tôn sư - trọng đạo” từ phía học trò, đồng thời nêu cao tinh thần, thái độ tôn trọng, bình đẳng, tận tụy với học trò từ phía các thầy cô. Từ đó gắn bó chặt chẽ quá trình giảng dạy của thầy, cô với quá trình học tập của học trò. Thầy và trò có thể “đồng hành” trong các khâu thực nghiệm, nghiên cứu thực tế, cộng tác nghiên cứu những đề tài thích hợp. Đó là cơ hội rất tốt để trò học thầy nhiều hơn, ngoài những bài giảng trên lớp, còn thầy thì bổ sung cho mình không chỉ những tri thức do học trò phát hiện mà còn cả nhiệt tình hồn nhiên của tuổi trẻ tiếp cận với khoa học.

Việc làm có tính thời sự hiện nay là các nhà trường nên có tiếng nói tham gia vào việc phê phán nghiêm khắc và sâu sắc đối với hiện tượng gian lận trong thi cử. Bộ Giáo dục và Đào tạo cần tìm ra cách thức tiện lợi nhất để rà soát văn bằng của đội ngũ giáo viên, giảng viên các cấp, phát hiện cho được những hiện tượng “đau lay, quan xin” mà từ xa xưa ông cha ta đã khinh bỉ, lên án. Cần và xử lý nghiêm khắc như xử lý những kẻ tham nhũng. Bởi vì, nhìn từ góc độ nhà trường thì đó là hiện tượng xấu nhất dễ “lây nhiễm” nhất, cần nghiêm khắc ngăn chặn □

1, 3, 4 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. CTQG, H., 2000, tập 1, tr.416; 461; 28.

2, 11, 22 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. CTQG, H., 2000, tập 9, tr.314; 587; 457.

5 Xem: Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Nxb. CTQG, H., 2000, tập 3, tr. 198.

8 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. CTQG, H., 2000, tập 3, tr.198.

6 Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. CTQG, H., 2000.

7, 9 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. CTQG, H., 2000, tập 4, tr.217; 217-218.

10, 13, 20 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. CTQG, H., 2000, tập 10, tr.418; 323; 418.

12, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 21 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. CTQG, H., 2000, tập 11, tr.136; 134; 134; 137; 134; 128-129; 496; 136.

23 Trần Dân Tiên: *Những mẫu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Nxb. CTQG, H., 1994, tr.44.

<sup>1</sup> Hồ Chí Minh: *Toàn tập* (bộ 15 tập), Nxb. CTQG, H., 2011, tập 6, tr.365.

<sup>2</sup> C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb. CTQG, H., 1995, tập 3, tr.10.

<sup>3</sup> Hồ Chí Minh: *Toàn tập* (bộ 15 tập), Nxb. CTQG, H., 2011, tập 6, tr.365.

<sup>4</sup> Dẫn theo *Báo Văn nghệ*, số 46, ngày 17-11-2018.